

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày 30-8-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST - DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kiều T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp XM, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P (Hai Rum), sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XM, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp XM, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Chị Thái Hồng C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà T có mở hội làm chủ đầu thảo, bà Nguyễn Thị P (Hai R) có tham gia nhiều dây hội, trong đó:

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 ăl gồm 74 chân, bà P đứng tên chơi 02 chân, đến kỳ khui thứ 5 hốt được 56.430.000 đồng, hốt chân thứ hai vào kỳ thứ 13 ngày 15/8/2019 ăl số tiền 56.623.000 đồng. Dây hụi này hiện đã mãn, còn nợ lại 07 kỳ bằng 14.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/6/2019 ăl gồm 75 chân, bà P đứng tên chơi 04 chân, kỳ khui thứ 8 hốt được 54.339.000 đồng, hốt chân thứ hai vào kỳ thứ 10 số tiền 52.760.000 đồng, hốt chân thứ B vào kỳ thứ 11 số tiền 52.500.000 đồng, hốt chân thứ tư vào kỳ thứ 30 số tiền 62.690.000 đồng. Dây hụi này hiện đã mãn còn nợ lại 16 kỳ bằng 64.000.000 đồng.

Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 30/8/2020 ăl gồm 71 chân, một tháng khui 02 lần, bà P đứng tên chơi 02 chân, kỳ khui thứ 9 hốt được 25.040.000 đồng, hốt chân thứ hai vào kỳ thứ 14 số tiền 26.385.000 đồng. Còn 27 lần khui hụi là mãn. Bà P nợ 43 kỳ tính đến mãn bằng 43.000.000 đồng (đã đóng thay 18 kỳ).

Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 15/01/2021 ăl gồm 63 chân, một tháng khui 02 lần, bà P đứng tên chơi 01 chân, kỳ khui thứ 2 hốt được 20.768.000 đồng. Còn 28 lần khui hụi là mãn. Bà P đã đóng 17 kỳ hụi chết bằng 8.500.000 đồng. Bà P nợ 44 kỳ tính đến mãn bằng 22.000.000 đồng (đã đóng thay 18 kỳ).

Ngoài ra, bà P còn tham gia nhiều dây hụi khác đã hốt và không đóng lại hụi chết. Do đó, đến ngày 24/4/2021 ăl hai bên làm biên bản chốt nợ, bà P nợ bà gần 400.000.000 đồng tiền hụi. Đến khi sang nhượng đất thì bà P chỉ trả cho bà 150.000.000 đồng, còn nợ lại 143.000.000 đồng.

Trong quá trình chơi hụi bà P và chị C gặp bà nói chơi hụi chung và C nhờ bà P hốt 02 dây hụi 1.000.000đồng/06 chân, bà P có trách nhiệm lấy tiền từ chị C của 06 chân hụi chết này để đóng cho bà T nhưng không thực hiện. Sau đó, bà P và chị C hứa sang đất xong sẽ trả tiền cho bà, đến khi sang đất xong chỉ trả được 150.000.000 đồng nêu trên.

Đối với bà Thu B là người nhận sang nhượng đất của bà P, khi sang bà Thu B cam kết giữ lại số tiền 50.000.000 đồng và chịu trách nhiệm trả cho bà 02 dây hụi 500.000 đồng. Trường hợp bà P và chị C không thanh toán 143.000.000 đồng thì bà Thu B sẽ giữ lại số tiền hơn 100.000.000 đồng để thanh toán cho bà T nhưng bà Thu B cũng không thực hiện đúng lời hứa và hiện đã nhận đất của bà P để sử dụng.

Từ các lý do trên, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P, bà Thái Hồng C và bà Nguyễn Thu B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T tổng số tiền hụi chết còn nợ là 143.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả đối với dây hụi đã mãn. Các dây hụi chưa mãn không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu bà P trả số nợ trên; không yêu cầu bà Thu B và chị C liên đới trả số nợ này.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì

đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu B trình bày:* Ngày 04/6/2021 bà nhận chuyển nhượng đất của bà P 29,5 công với giá 75.000.000 đồng/công, đã giao trước cho bà P trên 2 tỷ đồng nhưng hiện chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng được do sai thửa. Khi nhận chuyển nhượng đất có mời chính quyền ấp chứng kiến. Lúc này bà có nói chuyện qua điện thoại với bà P, bà T là sau khi làm giấy chứng nhận xong và bà T không tranh chấp thì sẽ giữ lại 50.000.000 đồng để trả cho bà T, không có nhận trả 143.000.000 đồng. Thời điểm này bà P có nợ bà T một số tiền, khi trả tiền sang đất cho bà P thì bà P có trả cho bà T 150.000.000 đồng, số hụi còn lại bà P trả dần. Nay tại phiên tòa bà xác định sau khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đứng tên, còn nợ lại Bo nhiều tiền sang đất thì bà sẽ giữ lại để trả cho bà T nhưng phải có cơ quan có thẩm quyền chứng kiến.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thái Hồng C trình bày:* Chị không có tham gia chơi hụi, không hốt hụi của bà T nên từ chối tham gia tố tụng và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; chị C vắng mặt có yêu cầu không tham gia hòa giải, xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà P có tham gia nhiều dây hụi, đã hốt nhưng không đóng lại hụi chết, không còn khả năng đóng hụi cho bà T. Do đó, ngày 24/4/2021 hai bên làm biên bản chốt nợ, bà P nợ bà gần 400.000.000 đồng tiền hụi và khi bà P chuyển nhượng đất có trả cho bà 150.000.000 đồng, còn nợ lại 143.000.000 đồng. Chứng cứ bà T cung cấp là biên nhận hụi và cam kết ngày 24/4/2021 giữa bà Nguyễn Thị P và bà Phan Kiều T thể hiện nội dung bà P nợ tiền hụi của bà T nhiều dây hụi, trong đó nợ tiền hụi chết tổng 150.000.000 đồng, nợ thêm tiền hụi chết phải đóng hàng tháng 7.500.000 đồng cho đến khi kết thúc các dây hụi. Đối với bà P đã biết bà T kiện đòi lại 143.000.000 đồng nhưng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này cho thấy bà P thừa nhận có nợ tiền hụi của bà T đúng như nội dung bà T trình bày. Do đó, có cơ sở chứng minh bà P tham gia chơi hụi do bà T làm chủ đầu thảo, bà P đã hốt nhưng sau đó mất khả năng đóng lại hụi chết nên hai bên lập văn bản chốt nợ, sau đó bà P chuyển nhượng đất và có trả cho bà T 150.000.000 đồng, còn nợ lại 143.000.000 đồng, đây là chứng cứ kết sổ giữa bà T và bà P, bà P đã vi phạm thỏa thuận nên bà T kiện đòi lại là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Đối với lãi suất: Đối với 02 dây hụi 500.000 đồng hiện nay chưa mãn hụi và dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/6/2019 là gồm 75 chân mới mãn hụi 03 ngày nên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở nên không đặt ra

xem xét, giải quyết là phù hợp. Đối với dây hui đã kết thúc hợp đồng nhưng bà P không hoàn trả lại tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, vi phạm hợp đồng nên phải chịu tiền lãi suất theo quy định pháp luật (1,66%/tháng) là có cơ sở. Tiền lãi được tính: Dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 ãl gồm 74 chân, mãn ngày 15/3/2022 ãl (ngày 15/4/2022dl) đến ngày xét xử là 04 tháng 15 ngày, lãi suất 14.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng 15 ngày = 1.045.000 đồng.

[4] Như vậy, tổng vốn và lãi bà P phải trả cho bà T bằng 144.045.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu chị C và bà Thu B liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 144.045.000 đồng thì thấy rằng: Chị C không thừa nhận có chơi hui và hốt hui của bà T. Thực tế, hui là do bà P tham gia và hốt hui nên trách nhiệm trả nợ là của bà P. Bà T thừa nhận các thỏa thuận với chị C và bà Thu B bằng lời nói, không làm thành văn bản. Trong khi đó chị C và bà Thu B không thừa nhận nên không có căn cứ để yêu cầu chị C và bà Thu B có trách nhiệm liên đới trả nợ của bà P là có căn cứ.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.202.000 đồng (144.045.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền hui của bà T đối với bà P

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả lại cho bà Phan Kiều T tổng số tiền nợ vốn, lãi hui bằng 144.045.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà Thu B và chị C liên đới trả số tiền 144.045.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 7.202.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phan Kiều T số tiền tạm ứng án phí 3.575.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015546 ngày 06/5/2022 tại C cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên